FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển TDT (HNX: TDT)

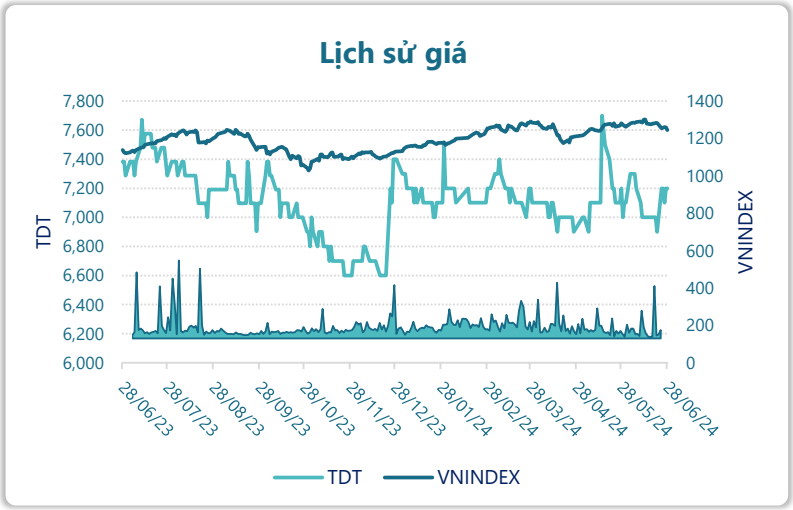

Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**7,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,600
SL cổ phiếu LH	23,896,534
KLGD BQ 20 phiên (CP)	129,575
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	172
P/E	13.7
EPS	527

DT thuần

Q2/24

139

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 65.6| 89.5%

YoY: ▼8.00| -5.4%

LN sau thuế

Q2/24

1.51

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.34| 785%

YoY: ▼0.68| -31.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

4.6%

+/- YoY: ▲ 0.1%

DT thuần

6T 2024

213

tỷ VNĐ

YoY: ▼11.0| -5.2%

LN sau thuế

6T 2024

1.68

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.85| -33.6%

ROE

Q2/24

4.8%

+/- YoY: ▼ 2.3%

Kết quả kinh doanh

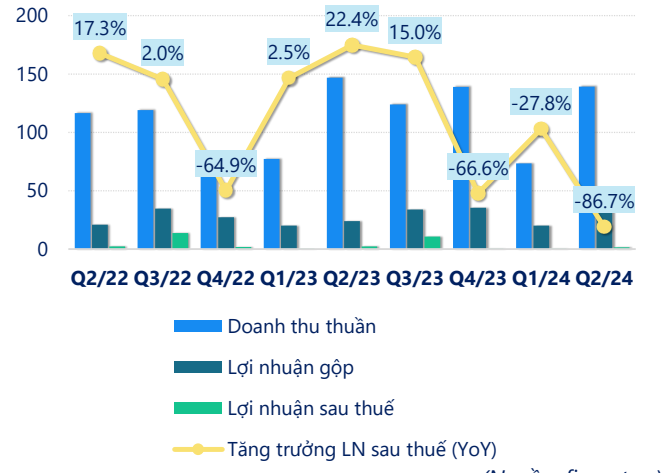

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

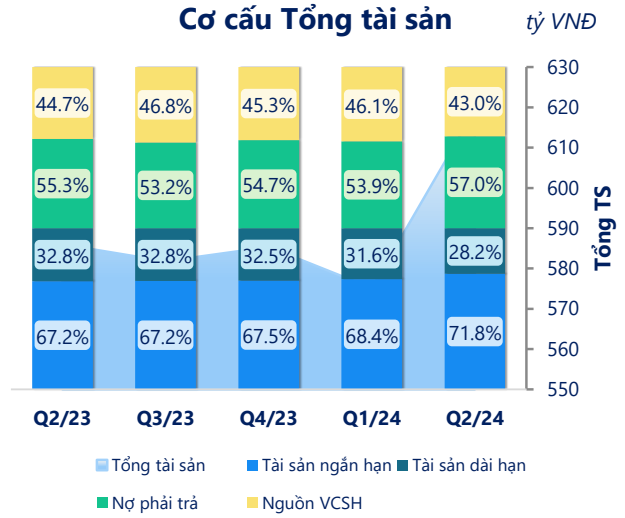

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

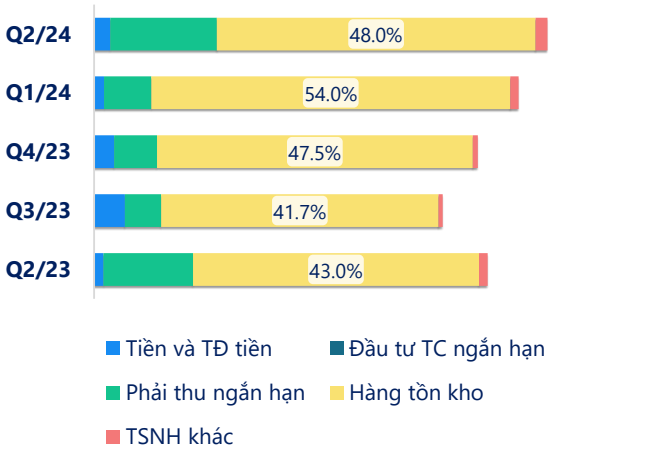

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

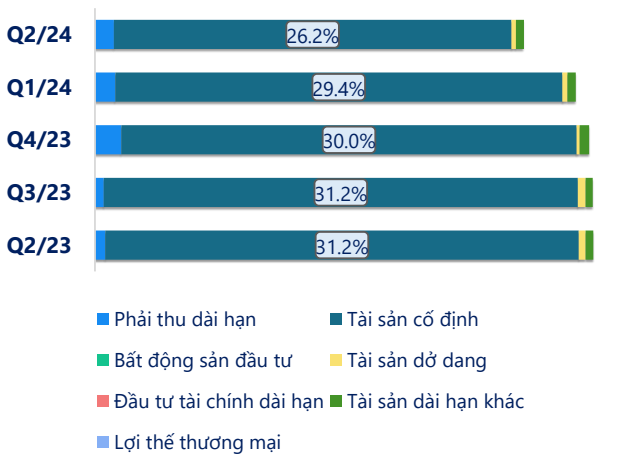

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

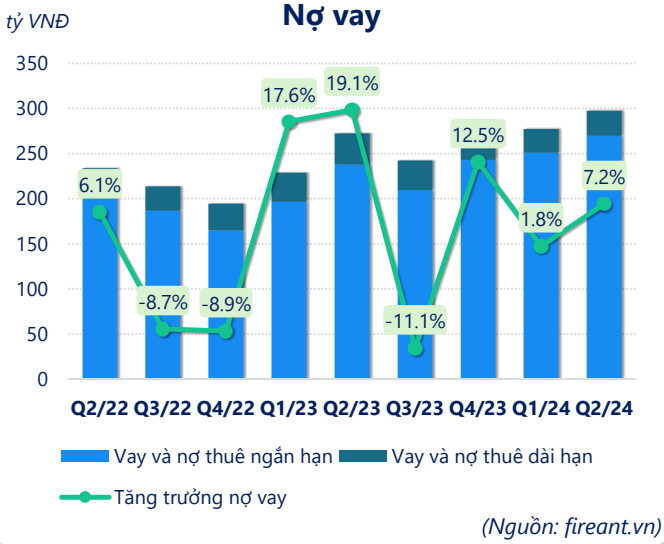

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

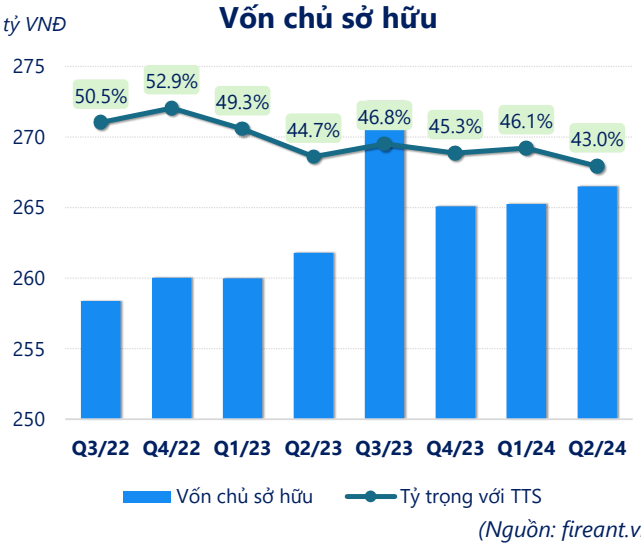

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

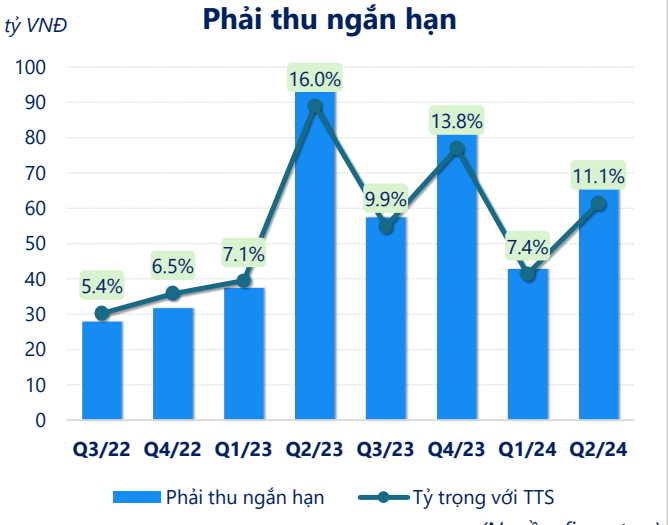

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

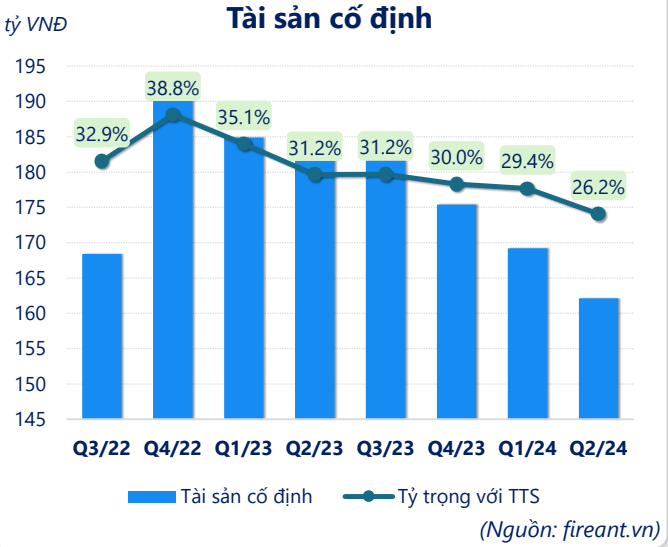

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

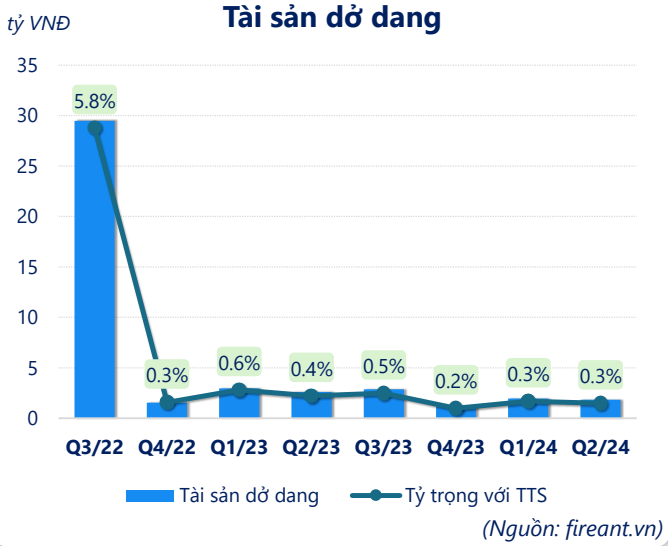

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

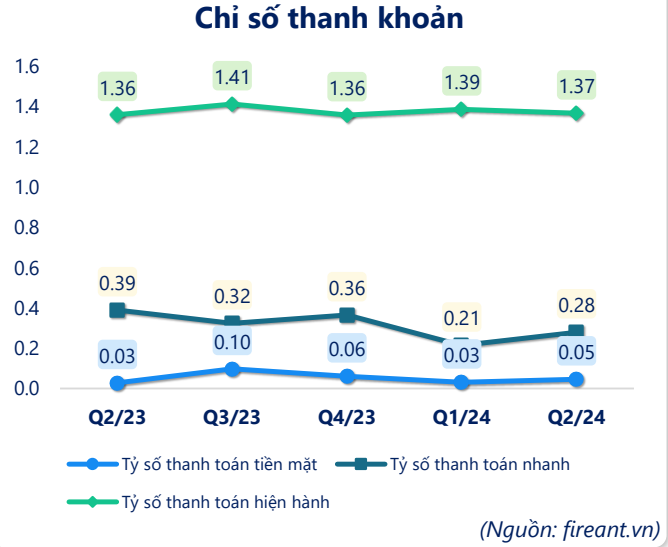

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

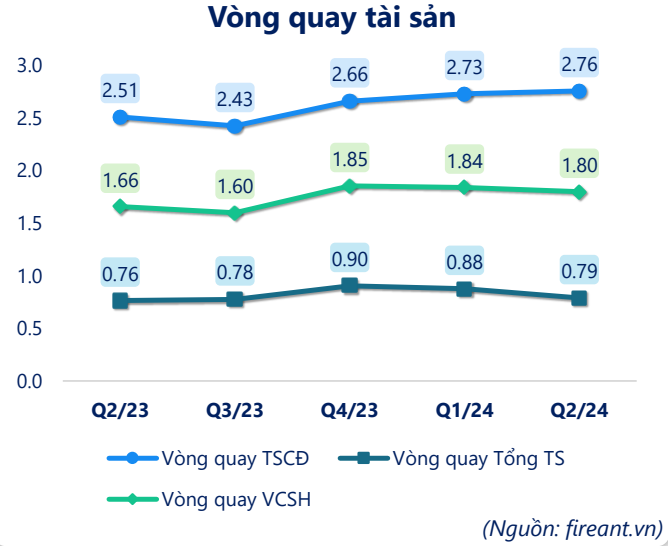

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**586**	**582**	**585**	**575**	**619**
Tài sản ngắn hạn	**394**	**391**	**395**	**393**	**444**
Tiền và tương đương tiền	8.15	27.1	17.7	8.68	15.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	94.0	57.4	81.1	42.8	68.5
Hàng tồn kho	281	301	289	332	354
Tài sản ngắn hạn khác	10.7	5.26	7.28	9.20	7.48
Tài sản dài hạn	**192**	**191**	**190**	**182**	**175**
Phải thu dài hạn	3.92	3.32	10.2	7.68	7.68
Tài sản cố định	183	182	175	169	162
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	2.62	2.87	1.16	1.96	1.84
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	2.94	2.84	3.66	3.16	3.21
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**324**	**309**	**320**	**310**	**353**
Nợ ngắn hạn	**290**	**277**	**291**	**283**	**325**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	238	210	243	251	270
Phải trả người bán ngắn hạn	37.5	42.8	27.8	19.9	32.4
Nợ dài hạn	34.6	32.5	29.5	26.5	27.7
Vay và nợ thuê dài hạn	34.6	32.5	29.5	26.5	27.7
Nguồn vốn chủ sở hữu	**262**	**273**	**265**	**265**	**266**
Vốn chủ sở hữu	**262**	**273**	**265**	**265**	**266**
Vốn điều lệ	239	239	239	239	239
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)